Giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 6 Chương trình mới Unit 7: SKILL 1, SKILL 2, LOOKING BACK - PROJCET

SKILL 1

KỸ NĂNG 1 (Tr. 12 SGK)

READING

1. Read the schedule for Around the World! (Đọc lịch phát sóng của kênh Around the World!)

Bài dịch:

Time (Thời gian)	Programme (Chương trình)	Description (Mô tả)
8:00	Animals: Life in the water. (Động vật: Cuộc sống dưới nước).	Một phim tài liệu về thế giới đầy màu sắc ở Thái Bình Dương.
9:00	Comedy: The Parrot Instructor. (Hài kịch: Người huấn luyện vẹt).	Cười thả ga với người huấn luyện vẹt và ngày làm việc đầu tiên của ông ta ở sân trượt băng.
10:30	Sports: Wheelbarrow Races. (Thể thao: Cuộc đua xe cút kít).	4 nhóm tại trường Wicked School cạnh tranh trong một cuộc đua rất thú vị. Ai sẽ thắng?
11:00	Game show: Children are Always Right (Game show: Trẻ em luôn đúng).	Game show tuần này sẽ kiểm tra kiến thức của bạn về rừng rậm Amazon.
12:15	Science: Journey to Jupiter (Khoa học: Cuộc hành trình đến Sao Mộc).	Khám phá những điều lạ lùng về một hành tinh trong Hệ Mặt trời của chúng ta.

2. Answer the following questions about the schedule. (Trả lời các câu hỏi sau về lịch phát sóng.)

1. It's Wheelbarrow Races.

2. It's the Parrot Instructor.

3. Yes, we can.

4. It's a documentary about the colorful living world in the Pacific.

5. No, it isn't.

3. Read the information about the people below and choose the best programme for each. (Đọc thông tin về những người dưới đây và chọn chương trình phù hợp nhất cho mỗi người.)

1. Science: Journey to Jupiter.

2. Comedy: The Parrot Instructor.

3. Game show: Children are Always Right.

4. Sports: Wheelbarrow Races.

5. Animals: Life in the Water.

SPEAKING

4. Work in groups

Tell your group about your favorite TV programme. Your talk should include the following information: (Kể cho nhóm của bạn nghe về chương trình ti vi ưa thích của bạn. Bài nói của bạn nên có các ý sau:)

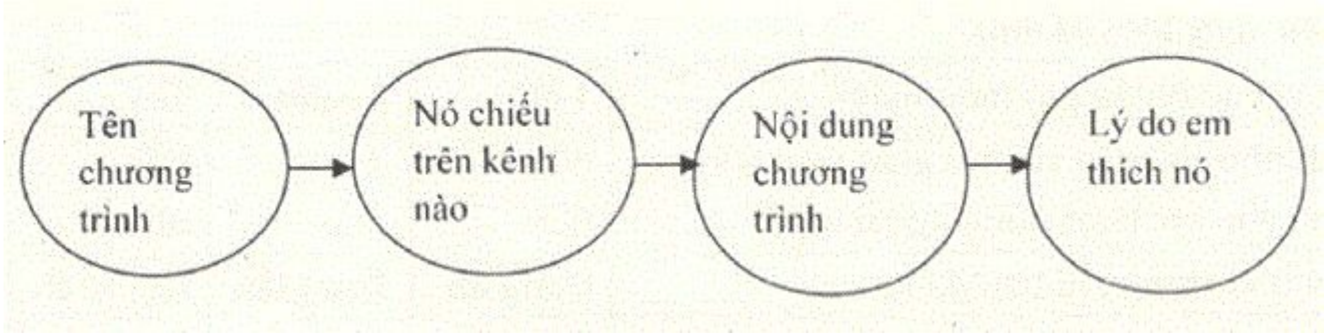

SKILLS 2

CÁC KỸ NĂNG 2 (Tr. 13 SGK)

LISTENING

1. Listen and tick (√) the correct channel for each programme. (Nghe và đánh dấu chọn kênh đúng cho mỗi chương trình.)

PROGRAMME	CHANNEL 1	CHANNEL 2	CHANNEL 3
Music: Green Green Summer	√		
Cartoon: The Red Spotted Quirrel!		√	
Film: The Lonely Gifraffe			√
Home and Garden: How to make a Dog House		√	
Our world: The Old Town of Inca			√

2. Listen again and tick (√) statements 1-5 with T for true and F for false. (Nghe lại và đánh dấu chọn từ 1 đến 5. Đúng ghi T sai ghi F).

1. F   2.T   3. F   4. T   5. F

Tapescript (Lời ghi âm)

... And here are some interesting TV programmes for you. The musical Green, Green Summer on Channel 1 starts at eight o'clock. At the same time on Channel 2 is the Red Spotted Squirrel. Home and Garden follows at eight twenty-five. Today you'll learn how to make a house for your dog. Channel 3 offers you a touching film of friendship, The Lonely Giraffe. The film starts at eight thirty. After that, you can discover the famous old town of Inca in Peru. However, it comes on quite late, at ten o'clock. We hope that you can choose a programme for yourself. Enjoy and have a great time.

WRITING

3. What are your TV watching habits? (Thói quen xem truyền hình của em là gì?)

Tick (√) the right answer for you (you can tick more than one answers). Use your answer to write a short description of your TV-watching habits. (Chọn câu trả lời đúng với em (em có thể chọn hơn 1 câu trả lời). Sử dụng câu trả lời của em để viết bài ngắn mô tả thói quen xem TV của em).

1. Bạn xem ti vi bao nhiêu giờ mỗi ngày?	1 giờ	2-3 giờ	Tùy

2. Bạn so sánh như thế nào về thời gian xem ti vi với thời gian dành cho các hoạt động ngoài trời?	Nhiều hơn	ít hơn	Bằng nhau
3. Bạn có xem ti vi trong khi bạn đang ...	Đang ăn	Thư giãn	Đọc sách
4. Bạn thích loại chương trình nào nhất?	Giáo dục	Giải trí	Thể thao
5. Bạn có để ti vi bật khi bạn không xem nó không?	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên

Suggested structure: (Cấu trúc gợi ý)

English	Tiếng Việt
- I do not watch much TV/ I enjoy watching - I like .../I usually watch ... - I usually leave the TV on .../ turn off the TV ... - I think I have goood/ bad TV watching	- Tớ không xem ti vi nhiều/ Tớ thích xem TV ti vi - Tớ thích .../ Tớ thường xuyên xem ... - Tớ thường để ti vi mở .../ tắt ti vi ... - Tớ nghĩ tớ có thói quen xem ti vi tốt/ habits xấu.

Suggested writing (Bài viết gợi ý)

I am bong and 1 am a student at Hong Long School. I like watching TV so much. I spend two or three hours a day watching TV. I don't like playing outside because it's dangerous and I don't find it interesting. I often watch TV when I am free. The programme I watch most is educational and entertainment programmes. I never leave TV on when I don't watch because I want to save electricity. 1 think I have good TV watching habits. How about you?

Bài dịch:

Mình là Long và mình là học sinh trường Hồng Long. Mình rất thích xem ti vi. Mình dành hai hoặc ba giờ mỗi ngày cho việc xem ti vi. Mình không thích chơi bên ngoài vì nó nguy hiểm và mình không thấy nó thú vị. Mình thường xem ti vi khi mình rảnh rỗi. Chương trình ti vi mình hay xem nhất là các chương trình về giáo dục hoặc giải trí. Mình không bao giờ để ti vi mở khi mình không xem bởi vì mình muốn tiết kiệm điện. Mình nghĩ là mình có thói quen xem ti vi tốt. Còn bạn thì sao?

LOOKING BACK - PROJCET

LOOKING BACK (Tr. 14 SGK)

VOCABULARY

1. Put the words in the box in the correct columns. Add more words if you can. (Đặt các từ trong khung vào các cột phù hợp. Thêm các từ khác nếu em có thể).

People	Programme	Kinds of film
newsreader	Home and Garden	documentary
writer	animals	romance
mc	game	show
weathergirl	cartoon	

2. Use the words in the box to fill the text below. (Sử dụng các từ trong khung để hoàn thành bài text dưới đây).

1. national 2. viewers 3. 7 o'clock news 4. Cornedies

5. relax 6. game show 7. educational 8. writers

Bài dịch:

VTV 1 là 1 kênh truyền hình quốc gia của Việt Nam. Nó hấp dẫn hàng triệu người bởi nó mang đến các chương trình thú vị khác nhau. Bản tin lúc 7h cho mọi người biết những điều gì đang diễn ra tại Việt Nam và những nơi khác nhau trên thế giới. Những chương trình hài kịch mang đến nhiều tiếng cười và giúp mọi người thư giãn sau một ngày làm việc vất vả. Chương trình thú vị nhất là trò chơi. Chúng có thể vừa là trò giải trí vừa mang tính giáo dục.

Nhiều người làm việc vất vả hàng ngày để sản xuất những chương trình truyền hình có chất lượng. Vài người trong số họ là những nhà thiết kế chương trình, các tác giả và phóng viên.

GRAMMAR

1. Use a question word to make a suitable question for each answer below. (Sử dụng từ hỏi để đặt câu hỏi phù hợp cho các câu trả lời sau).

1. How many days a week do you go to class?

2. What did you watch on TV last night?

3. Why do you like the Animals programme?

4. Who is your favorite television MC?

5. When was the Lonely Giraffe made?

2. Use the conjunction provided to connect the sentences. (Sử dụng liên từ đã cho để nối câu).

1. Ocean Life is on at 7:30 and Laughing Out Loud is at 8:00.

2. I have watched The Seven Kitties many times because I like the film so much.

3. BBC One is a British channel, but VTV6 is a Vietnamese channel.

4. Although Along the Coast is a famous TV serries, I have never watched it

5. I have a lot of homework tonight so I can't watch Eight Feet Below.

COMMUNICATION

5. Rearrange the order of the sentences to have a complete conversation about a TV programme. (Sắp xếp các câu theo thứ tự đê hoàn thành bài hội thoại vê một chương trình TV).

1. A 2.C 3. B 4. D 5. F

6. H 7. G 8. E 9. I 10. J

4. Recommend an interesting TV programme to your friends. Make a conversation based on the sample in 5. (Gợi ý một chương trình TV thú vị dành cho bạn bè. Làm thành bài hội thoại dựa vào mẫu bài 5).

Suggested answer (Câu trả lời gợi ý)

A: Hi Lan, did you watch The Voice Kids yesterday?

B: No, what is it?

A: It's an reality show about singing. It's very funny.

B: Really? I've never seen it. When is it on TV?

A: It's on at 9 p.m. on Saturday.

B: Sounds great. What channel is it on?

A: It's on Disney Channel.

B: Oh Thank you. I'll watch it.

PROJECT (Tr. 15 SGK)

HOW IMPORTANT IS TV TO YOU?

Work in groups. (Làm việc theo nhóm)

Interview your friends, using the questions below. Report your results to the class. (Phỏng vấn các bạn của bạn, sử dụng các câu hỏi dưới đây).